

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP BẢO CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG TỔNG HỢP BẢO CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101628020

**3. Ngày thành lập:** 24/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

225 Võ Văn Dũng, Khu Phố Dương Liễu Tây, Thị Trấn Bình Dương, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0868375368

Fax:

Email: [bangleht@gmail.com](mailto:bangleht@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cấp thoát nước, hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh, thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R 22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt các kết cấu thép, đổ bê tông, đóng cọc, thử độ ẩm, chống ẩm các tòa nhà, các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, xử lý vết nứt bê tông, sàn, trần nhà, chôn chân trụ, uốn thép, lợp mái bao phủ tòa nhà, dựng giàn giáo.                                                                                                                         | 4390     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn kính xây dựng, sơn, vécni, vật tư thiết bị ngành nước; Trang thiết bị, vật tư ngành xây dựng; Bán buôn ống nước, thiết bị, vật tư ngành nước.                                                                             | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết : Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, xét thầu; Thẩm định, thẩm tra dự án thiết kế và dự toán các công trình xây dựng; Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thủy lợi; Thiết kế công trình giao thông, điện dân dụng, công nghiệp; Giám sát công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, công trình điện, cấp, thoát nước, san ủi mặt bằng; Khảo sát địa chất công trình xây dựng. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; Hoạt động thiết kế kiến trúc công trình. | 7110        |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4719        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4102        |
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4211        |
| 11. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4212(Chính) |
| 12. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4221        |
| 13. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi và công trình cấp thoát nước khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 14. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4223        |
| 15. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4229        |
| 16. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4291        |
| 17. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4292        |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4293        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4299        |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4311        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(riêng xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sạn bán tại chân công trình)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ PHƯƠNG BẰNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/05/1993 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052093008628

Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Dương Liễu Tây, Thị Trấn Bình Dương, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Dương Liễu Tây, Thị Trấn Bình Dương, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ PHƯƠNG BẰNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/05/1993 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052093008628

Ngày cấp: 02/07/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Dương Liễu Tây, Thị Trấn Bình Dương, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Dương Liễu Tây, Thị Trấn Bình Dương, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định